

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HC-ST
Ngày: 30 tháng 10 năm 2017
V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lập

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nghiêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 25 – 30/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 25/2017/TLST-HC ngày 07/6/2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐST-HC ngày 07/9/2017, Thông báo dời lịch phiên tòa số 218/TB-TA ngày 19/9/2017, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2017/QĐST-HC ngày 27/9/2017; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông A, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông B – Luật sư Công ty C – Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện D, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông E – Chủ tịch UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận (*vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông F – sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thị trấn G, huyện H, tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện – ông A; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – Luật sư B trình bày:

Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện D thu hồi của ông A 16.102,9m² đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I, gồm thửa đất số 17, 19, 20, 23, 41 và 48, mảnh trích đo địa chính số 2, xã K.

Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện D hỗ trợ cho ông Giai 44.625.000đ.

Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện D hỗ trợ cho ông A thêm 156.536.300đ.

Đối với diện tích 3.384m² đất thuộc thửa số 23, tờ bản đồ địa chính số 2, UBND huyện D không có quyết định thu hồi nhưng thực tế vẫn thu hồi.

Diện tích 3.384m² đất thuộc thửa đất số 23 bị thu hồi, UBND huyện D xác định nguồn gốc: Thửa đất số 17, 19, 20, 23, 41 và 48 tờ bản đồ địa chính số 2, diện tích 19.486,9m², loại đất CLN thuộc vị trí 4, đất có nguồn gốc do hộ ông A sang nhượng lại để sản xuất nông nghiệp vào năm 2008, sử dụng ổn định cho đến nay. Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.

Như vậy, năm 2008, nếu cho rằng ông A khai phá đất rừng nhưng UBND xã K hay Hạt kiểm lâm huyện D không phản đối gì. Đất ông A không phải là đất lấn chiếm do UBND xã K quản lý và không đủ điều kiện bồi thường.

Ngày 14/9/2007, UBND tỉnh Ninh Thuận đã ban hành Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc “*phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2007 – 2015*” (gọi tắt là Quyết định số 241). Tuy nhiên, cho đến nay, việc tổ chức cắm mốc xác lập ranh giới đất lâm nghiệp và đất ngoài lâm nghiệp tại khu vực thực địa chưa thực hiện. Ông A cũng như các hộ dân khác không biết ranh giới được cắm mốc nhằm phân định đất rừng và phần ngoài đất rừng.

Vì các lẽ trên, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1/ Hủy Điều 1 Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện D*” (gọi tắt là Quyết định số 2017), hủy phần xác định nguồn gốc đất là “lấn chiếm sử dụng”.

2/ Hủy Điều 1 Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện D*” (gọi tắt là Quyết định số 2198), hủy phần xác định “đất trồng cây lâu năm không đủ điều kiện bồi thường”.

3/ Hủy Điều 1 Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện D*” (gọi tắt là Quyết định số 731), hủy phần “hỗ trợ đất nằm trong quy hoạch đất rừng”.

4/ Tại phiên tòa, ông A và Luật sư B yêu cầu Tòa án xem xét, hủy Điều 1 Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND huyện D về việc “*Điều*

chính tên chủ sử dụng đất tại Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện D về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua xã K, huyện D, tỉnh Ninh Thuận” (gọi tắt là Quyết định số 714), hủy phần xác định 3.384m² đất thuộc thửa số 23, xã K do hộ ông A lấn chiếm sử dụng. Người khởi kiện trình bày mới nhận được Quyết định số 714 vào ngày hôm nay 25/10/2017.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện D phải chấp thuận diện tích 19.486,9m² đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường; đồng thời tính lại tiền bồi thường cho hộ ông A, ông A tự tính là 935.371.000đ. Yêu cầu khởi kiện này, ông A và Luật sư B xin rút lại.

Người bị kiện – UBND huyện D: đại diện theo pháp luật – ông E; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – ông F, trình bày:

Ông E tại bản trình bày ý kiến ngày 30/6/2017 và ngày 12/9/2017; ông F tại phiên tòa, trình bày:

UBND huyện D thu hồi 19.486m² đất hộ ông A đang sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I, gồm thửa đất số 17, 19, 20, 23, 41 và 48, mảnh trích đo địa chính số 2, xã K.

Theo hồ sơ xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của UBND xã K (xác nhận ngày 24/8/2016), đất có nguồn gốc do hộ ông A lấn chiếm thời điểm năm 2008.

Trên cơ sở xác định hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp tại Văn bản số 736/SNNPTNT-KH ngày 23/3/2017 của Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận xác định hộ ông A sử dụng các thửa đất số 17, 19, 20, 23, 41 và 48, mảnh trích đo địa chính số 2 diện tích 19.486m² nằm trong quy hoạch rừng sản xuất.

Căn cứ kết luận và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Thuận tại Thông báo số 172-TB/TU ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận:

- *Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... không nằm trong quy hoạch đất rừng;*

- *Chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.*

Từ những cơ sở trên, UBND huyện D xác định:

Thửa đất số 17, 19, 20, 23, 41 và 48, mảnh trích đo địa chính số 2, diện tích 19.486m² đất nằm trong quy hoạch đất rừng, thời điểm sử dụng năm 2008 không đủ điều kiện bồi thường, được xét hỗ trợ bằng mức bồi thường đất. Địa bàn xã K thuộc khu vực Trung du, đơn giá đất rừng sản xuất 7000đ/m² x diện tích đất thu hồi.

Việc ông A yêu cầu hủy Quyết định số 2017, Quyết định số 2198 và Quyết định số 731 ngày 12/4/2017, của UBND huyện D là không có cơ sở chấp nhận. UBND huyện D giữ nguyên các quyết định này.

Tuy nhiên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Ninh Thuận tại Thông báo số 181/TB-VPUB ngày 31/5/2017 chỉ đạo rà soát hồ sơ xác định nguồn gốc, thời

điểm và quá trình sử dụng đất đối với các hộ có đất nằm trong quy hoạch đất rừng, có thời điểm sử dụng trước ngày 01/7/2004 và đề xuất hướng giải quyết hài hòa, có lý có tình, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

Thửa đất thu hồi hộ ông A đang sử dụng có nguồn gốc, thời điểm sử dụng từ năm 1991, năm 1998 và năm 2000. UBND huyện D đã có báo cáo gửi Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn xem xét, đề xuất UBND tỉnh Ninh Thuận hướng giải quyết. Đối với diện tích 3.384m² ông A cho rằng UBND huyện D thu hồi nhưng không ban hành quyết định thu hồi là không đúng vì UBND huyện D đã thu hồi diện tích đất này tại Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 11/4/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo pháp luật của UBND huyện Ninh Sơn là ông E vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện D là ông F có mặt, căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Người khởi kiện – ông A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện – Luật sư B giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện: “yêu cầu Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn xin lỗi ông A và những người có liên quan trong việc hứa thực hiện công việc trước ngày 15/7/2016 nhưng không thực hiện” tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2017. Xét thấy, đây không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 17/6/2017, ông A đã không còn yêu cầu, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngày 26/5/2017, ông A có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngày 09/6/2017, ông A có đơn đề nghị rút đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – ông F yêu cầu Hội đồng xét xử bác các yêu cầu của người khởi kiện. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A; hủy Điều 1 Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, hủy Điều 1 Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016, hủy Điều 1 Quyết định số 731 ngày 12/4/2017, của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày, ý kiến tranh luận của đương sự, người

đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 55, khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định:

Ông A khởi kiện Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016 và Quyết định số 731 ngày 12/4/2017, của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và ông A được quyền khởi kiện.

Tại phiên tòa, ông A và Luật sư B yêu cầu Tòa án xem xét, hủy Điều 1 Quyết định số 714 ngày 11/4/2017 của UBND huyện D, hủy phần xác định 3.384m² đất thuộc thửa số 23, xã K do hộ ông A “lấn chiếm sử dụng”. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông A không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, cần xem xét giải quyết cho vụ án triệt để. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 55, khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định Quyết định số 714 ngày 11/4/2017 là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn trong thời hiệu khởi kiện và ông A được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Vụ án thuộc trường hợp: *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với trường hợp thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”*.

[2] Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016, Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 và Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D bị khiếu kiện. Căn cứ khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định người bị kiện là UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận.

Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016 của UBND huyện D căn cứ Quyết định ủy quyền thu hồi đất số 222/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy đây là trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, thẩm quyền thu hồi đất thuộc UBND huyện D. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định UBND tỉnh Ninh Thuận không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bị kiện theo khoản 9 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Xét các yêu cầu khởi kiện của ông A:

[3] Về hình thức của Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016, Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 và Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận:

Dự án I được trung ương hỗ trợ đầu tư và được phê duyệt tại Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD ngày 04/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngày 21/9/2016, UBND huyện D ban hành Quyết định số 2017 về việc thu hồi **16.102,9m²** đất do hộ ông A đang sử dụng để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua xã K, huyện D, tỉnh Ninh Thuận; gồm

các thửa đất số 17, 19, 20, 41 và 48, mảnh trích đo địa chính số 2, tại xã K, huyện D.

Ngày 11/4/2017, UBND huyện D ban hành Quyết định số 714 điều chỉnh về việc thu hồi **3.384m²** đất thuộc thửa đất số 23, mảnh trích đo địa chính số 2, tại xã K do hộ ông A đang canh tác, sử dụng. Do đó, việc ông A cho rằng UBND huyện D *thu hồi 3.384m² đất thuộc thửa đất số 23 nhưng không ban hành quyết định thu hồi* là không chính xác.

Tổng diện tích đất bị thu hồi: **19.486,9m²**.

Ngày 30/9/2016, UBND huyện D ban hành Quyết định số 2198 về việc hỗ trợ cho hộ ông A tổng số tiền 44.625.000đ.

Ngày 12/4/2017, UBND huyện D ban hành Quyết định số 731 về việc hỗ trợ cho hộ ông A tổng số tiền 156.536.300đ.

Tổng số tiền hỗ trợ: **201.161.300đ**.

Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 75 và Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016, Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 và Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D bị khiếu kiện được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Về nội dung của Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016, Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 và Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận:

[4] - Đối với Điều 1 Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016 và Điều 1 Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D:

Điều 1 Quyết định số 2017 có nội dung: “thu hồi 16.102,9m² đất của UBND xã K quản lý (do hộ ông A lấn chiếm sử dụng), thuộc thửa đất số 17, 19, 20, 41 và 48, mảnh trích đo địa chính số 2, tại xã K, huyện D”.

Điều 1 Quyết định số 714 có nội dung: “thu hồi 3.384m² đất của UBND xã K quản lý (do hộ ông A lấn chiếm sử dụng), thuộc thửa đất số 23, mảnh trích đo địa chính số 2, tại xã K, huyện D”.

UBND huyện D xác định tổng 19.486,9m² đất thuộc thửa đất số 17, 19, 20, 41, 48 và 23 nằm trong quy hoạch đất rừng do UBND xã K quản lý, đất có nguồn gốc do hộ ông A **lấn chiếm sử dụng**. Ông A không đồng ý với nội dung này và khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Điều 1 Quyết định số 2017 và hủy Điều 1 Quyết định số 714, hủy phần xác định nguồn gốc đất do hộ ông A “lấn chiếm sử dụng”.

Xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Theo Giấy xác nhận ngày 24/8/2016 của UBND xã K xác nhận: *Diện tích 16.102,9m² đất thuộc thửa đất số 17, 19, 20, 41 và 48 có nguồn gốc do ông A chiếm đất dùng để sản xuất nông nghiệp vào năm 2008 và sử dụng cho đến nay*. Nhưng theo Danh sách các hộ dân bị thu hồi đất công trình kênh chính (thuộc hệ thống thủy lợi Y) và Biên bản họp xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 12/3/2017 của UBND xã K thì lại xác định *nguồn gốc thửa đất số 17, 19, 20, 41 và 48 là do hộ ông A khai phá năm 2008, sử dụng đến nay*. Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 22/6/2017 về kết quả rà soát, xác minh nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất của 13 hộ dân (trong đó có hộ ông A), Chủ tịch UBND huyện D đã xác định lại như sau:

+ Thừa đất số 17, 19: Đất có nguồn gốc do gia đình bà T tự khai phá năm 1998, sử dụng đến năm 2009 thì chuyển nhượng lại bằng giấy viết tay cho ông A sử dụng từ đó đến nay;

+ Thừa số 20: Đất có nguồn gốc do ông G khai phá năm 2000, sử dụng đến năm 2010, chuyển nhượng lại bằng giấy viết tay cho ông A và ông A sử dụng từ đó đến nay;

+ Thừa số 41, 48: Đất có nguồn gốc do ông H tự khai phá năm 1991, sử dụng đến năm 1999 cho lại con ông là ông S, ông S sử dụng đến năm 2010 thì chuyển nhượng lại bằng giấy viết tay cho ông A;

+ Thừa số 23: Đất có nguồn gốc do ông X khai phá năm 1998, sử dụng đến năm 2010 thì sang nhượng lại bằng giấy viết tay cho ông A.

Như vậy, 19.486,9m² đất thuộc thửa đất số 17, 19, 20, 41, 48 và 23 do hộ ông A canh tác sử dụng có nguồn gốc khai phá, sử dụng từ trước năm 2007 – trước thời điểm quy hoạch 03 loại rừng tại Quyết định số 241. Quá trình sử dụng, ông A sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành chính gì.

Tại Bản đồ hiện trạng đất trồng, đồi núi trọc huyện D năm 1998 xác định khu đất hộ ông A đang sử dụng thuộc tiểu khu 88b, trên bản đồ được tô màu hồng theo chú thích là *đất trống không có khả năng trồng rừng*, nằm ngoài ranh giới đất thuộc quản lý của lâm trường, như vậy, từ năm 1998 khu vực này không phải là đất rừng.

Theo Kết luận số 3434/KL-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thanh tra việc quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp và đất lâm nghiệp đã điều chuyển đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn huyện Ninh Sơn*” thì xã K không có hồ sơ quy hoạch 03 loại rừng, hiện tại hồ sơ lưu giữ tại UBND huyện D cũng bị thất lạc; phần ranh giới tiếp giáp với các huyện phía chân núi đa phần biến động mạnh, từ cột mốc ranh (chỉ có một số ít cột mốc) đến lưng chừng đồi núi toàn là rẫy của dân canh tác, rừng chỉ còn trên các sườn đồi núi đá (trang 5, 6 Kết luận số 3434/KL-UBND). Điều này phù hợp với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2017 của Tòa án. Đối chiếu hồ sơ với thực địa, diện tích 19.486,9m² đất thuộc thửa đất số 17, 19, 20, 41, 48 và 23, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng như UBND huyện D khẳng định.

Theo Điều 1 Quyết định số 2017 và Điều 1 Quyết định số 714 của UBND huyện D xác định 19.486,9m² đất thuộc thửa đất số 17, 19, 20, 41, 48 và 23, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K là đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241 nhưng quyết định này được ban hành vào năm 2007, trong khi đó, diện tích 19.486,9m² đất có nguồn gốc khai phá trước thời điểm ban hành Quyết định số 241 – năm 2007. Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 22/6/2017, Chủ tịch UBND huyện D đã thừa nhận nội dung này: *Xét thấy, các hộ (trong đó có hộ ông A) đã canh tác ổn định trước khi quy hoạch 03 loại rừng và trước thời điểm Luật Đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành. UBND huyện kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cho chủ trương để UBND huyện thực hiện việc bồi thường đối với 13 hộ dân.*

Quyết định số 241 của UBND tỉnh Ninh Thuận về rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng được ban hành ngày 14/9/2007, tuy nhiên không kèm theo vị trí tọa độ cụ thể của từng tiểu khu quy hoạch là đất rừng và cho đến nay, trên thực tế vẫn chưa được cắm mốc, phân khu xác định rõ ranh giới rừng trên thực địa. Tại Báo cáo số 246/BC-CCLN ngày 14/10/2013 của Chi cục lâm nghiệp tỉnh Ninh Thuận có nêu Chi cục lâm nghiệp phối hợp tổ chức cùng các cơ quan hữu quan trong đó có UBND huyện D tiến hành đánh dấu bằng sơn đỏ trên thân cây hoặc vách đá dọc theo tuyến ranh giới để dễ dàng nhận biết ngoài thực địa. Tòa án đã tiến hành xác minh thực địa tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2017, trong đó xác định 19.486,9m² đất thuộc thửa số 17, 19, 20, 41, 48 và 23 cũng như các thửa đất khác thuộc tiểu khu 88b, xã K trên đất không có cột mốc, không có công trình, vật kiến trúc nào phân định ranh giới rừng. Việc cơ quan chuyên môn trình bày có đánh dấu bằng sơn đỏ trên thân cây hoặc vách đá dọc theo tuyến ranh giới để phân định ranh giới rừng nhưng trên thực tế, khi Tòa án đi xem xét, thẩm định đều không thấy dấu vết các vết sơn này.

Từ các nội dung trên, xét thấy, Điều 1 Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016 và Điều 1 Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D có nội dung xác định 19.486,9m² đất thuộc thửa số 17, 19, 20, 41, 48 và 23 xã K là đất nằm trong quy hoạch 3 loại rừng, do hộ ông A lấn chiếm sử dụng là không có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2017 và hủy Điều 1 Quyết định số 714, hủy cụm từ “*lấn chiếm sử dụng*” là có cơ sở chấp nhận.

[5] - Đối với Điều 1 Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016 của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận:

Ngày 30/9/2016, UBND huyện D ban hành Quyết định số 2198 hỗ trợ tài sản cho hộ ông A khi thu hồi đất số tiền 44.625.000đ, cụ thể là hỗ trợ về cây Keo lá tràm, cây Xoài và cây Chuối. Đối với diện tích 16.102,9m² đất, UBND huyện D xác định là đất trồng cây lâu năm nằm trong quy hoạch 3 loại rừng nên không được bồi thường. Ông A không đồng ý với nội dung 16.102,9m² đất không đủ điều kiện bồi thường nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy phần này tại Điều 1 Quyết định số 2198.

Xét thấy, việc UBND huyện D xác định 16.102,9m² đất thuộc thửa số 17, 19, 20, 41 và 48, xã K nằm trong quy hoạch đất rừng do UBND xã K quản lý, đất có nguồn gốc do hộ ông A lấn chiếm, sử dụng là không có căn cứ như đã phân tích trên.

Điều 82 Luật đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất trong các trường hợp sau:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;
2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;
3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;
4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.

Khoản 1 Điều 75 của Luật đất đai năm 2013 quy định về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp.

Diện tích 16.102,9m² đất bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 241 ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Ninh Thuận, căn cứ vào các quy định trên, ông A không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất. Tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 22/6/2017 như đã trích dẫn trên, Chủ tịch UBND huyện D đã nhận thấy việc không bồi thường về đất đối với hộ ông A là không đúng quy định nên đã xin chủ trương của UBND tỉnh Ninh Thuận để thực hiện việc bồi thường cho hộ ông A. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2198, hủy cụm từ “*đất trồng cây lâu năm (CLN) không đủ điều kiện bồi thường*”, là có căn cứ chấp nhận.

[6] - Đối với Điều 1 Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 của UBND huyện D:

Quyết định số 731, ngày 12/4/2017, UBND huyện D hỗ trợ cho hộ ông A diện tích 19.486,9m² đất nằm trong quy hoạch đất rừng tổng số tiền 156.536.300đ. Ông A cho rằng 19.486,9m² đất bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng nên phải được bồi thường chứ không phải được hỗ trợ. Do đó, ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Điều 1 Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 của UBND huyện D do có nội dung hỗ trợ 19.486,9m² đất bị thu hồi mà không bồi thường.

Xét thấy, UBND huyện D trình bày căn cứ Kết luận và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Ninh Thuận tại Thông báo số 172-TB/TU ngày 02/3/2017 và Văn bản số 753/UBND-NC ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận có nội dung:

- Chấp thuận chủ trương bồi thường, hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... không nằm trong quy hoạch đất rừng;

- Chấp thuận chủ trương hỗ trợ cho các trường hợp sử dụng đất trước ngày 01/7/2014, ... nằm trong quy hoạch đất rừng; mức hỗ trợ bằng mức bồi thường đất.

Việc UBND huyện D xác định 19.486,9m² đất bị thu hồi nằm trong quy hoạch rừng và chỉ được hỗ trợ với mức giá 7000đ/m² là không đúng quy định của pháp luật như đã phân tích trên. Diện tích 19.486,9m² đất do hộ ông A đang canh tác bị thu hồi không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng và không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 731, hủy cụm từ “*hỗ trợ đất nằm trong quy hoạch đất rừng*”, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] -Đối với yêu cầu buộc UBND huyện D phải bồi thường diện tích 19.486,9m² đất thu hồi, đồng thời tính lại tiền bồi thường cho hộ ông A, ông A tự tính là 935.371.000đ.

Tại phiên tòa, người khởi kiện A và Luật sư B đề nghị rút yêu cầu khởi kiện này. Do vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[8] Từ các nội dung trên, xét thấy, Quyết định số 2017 ngày 21/9/2016, Quyết định số 2198 ngày 30/9/2016, Quyết định số 731 ngày 12/4/2017 và Quyết định số 714 ngày 11/4/2017, của UBND huyện D, tỉnh Ninh Thuận được ban hành đúng hình thức về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, tuy nhiên nội dung chưa đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông A về việc hủy Điều 1 Quyết định số 2017, hủy Điều 1 Quyết định số 2198, hủy Điều 1 Quyết định số 731 và hủy Điều 1 Quyết định số 714, của UBND huyện D là có cơ sở chấp nhận, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện D về việc bác các yêu cầu khởi kiện của ông A.

[9] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông A không phải chịu án phí. UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Điều 66, Điều 69, Điều 75, Điều 82 và Điều 83 Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A, tuyên:

- Hủy Điều 1 Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện D*”; hủy cụm từ “*lấn chiếm sử dụng*”;

- Hủy Điều 1 Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Điều chỉnh tên chủ sử dụng đất tại*

Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND huyện D về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua xã K, huyện D, tỉnh Ninh Thuận”; hủy cụm từ “do hộ ông (bà): A lấn chiếm sử dụng”;

- Hủy Điều 1 Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ tài sản cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I đoạn qua địa bàn xã K, huyện D*”, hủy cụm từ “*đất trồng cây lâu năm (CLN) không đủ điều kiện bồi thường*”;

- Hủy Điều 1 Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Ninh Thuận về việc “*Hỗ trợ cho hộ ông (bà): A để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án I (thuộc hệ thống thủy lợi Y) đoạn qua địa bàn xã K, huyện D*”; hủy cụm từ “*hỗ trợ đất nằm trong quy hoạch đất rừng*”.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Ninh Thuận bồi thường cho hộ ông A diện tích 19.486,9m² đất thuộc thửa số 17, 19, 20, 41, 48 và 23, tờ bản đồ địa chính số 2, xã K, huyện D, tỉnh Ninh Thuận theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Ninh Thuận phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông A số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0012247 ngày 05/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ngày tuyên án 30/10/2017./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Cục THADS tỉnh Ninh Thuận;
- Phòng KTNV – THA;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Các đương sự; Người đại diện;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Lập